

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 5 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát Viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1992, nơi ĐKKHKT: Khu , thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; hiện cư trú tại: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn Q, sinh năm 1993, nơi ĐKKHKT: Khu , thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; hiện cư trú tại: Khu , thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013 chị và anh Q lấy nhau, có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thọ Xuân, quá trình chung sống tình cảm vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên vào năm 2018 chị đã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị và anh Q. Sau đó vì muốn cho anh Q cơ hội để anh Q làm lại, vợ chồng hàn gắn tình cảm và chăm lo cho các con, nên vợ chồng lại đi làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào ngày 14/12/2018 để về chung sống với nhau. Tuy nhiên anh Q vẫn không thay đổi, không chịu khó làm ăn, mà chơi bời dẫn đến phải bán nhà cửa, vợ chồng phải đi thuê trọ ở. Đến tháng 10/2020 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng, anh Q đánh đập, bới chửi, xúc phạm chị, nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở đến nay. Nay chị xác định hôn nhân giữa vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn không hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là các cháu Đoàn Tuệ L, sinh ngày 18/02/2014 và Đoàn Khánh V, sinh ngày 25/12/2016. Hiện tại cháu Tuệ L bị khuyết tật và cả 02 con đang ở với chị. Quan điểm của chị H là đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con; chị yêu cầu anh Q phải hỗ trợ cấp dưỡng nuôi con đối với mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Chị H xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đoàn Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản xác minh lập ngày 23/02/2021 đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn T cho biết: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Đoàn Văn Q có quan hệ là vợ chồng, trước đây đã giải quyết ly hôn tại Tòa án. Sau đó đến ngày 14/12/2018 thì đăng ký kết hôn lại tại UBND thị trấn T. Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng có 02 con chung là các cháu Đoàn Tuệ L, sinh ngày 18/02/2014 và Đoàn Khánh V, sinh ngày 25/12/2016; Hiện vợ chồng anh chị đã bán nhà; anh Q có thời gian ở nhờ nhà anh trại tại khu 3, thị trấn T; chị Lê Thị Mỹ H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã N. Mâu thuẫn cụ thể giữa hai vợ chồng thì địa phương không biết được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn với anh Đoàn Văn Q. Về con chung: Giao các cháu Đoàn Tuệ L và Đoàn Khánh V cho chị Lê Thị Mỹ H được

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đoàn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng cho đến khi trưởng thành, có khả năng lao động. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát Viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Mỹ H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Đoàn Văn Q, cư trú tại: Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Đoàn Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Mỹ H và anh Đoàn Văn Q là hôn nhân hợp pháp, anh chị tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Tcấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/12/2018. Trong quá trình chung sống, trước đó vào năm 2013 anh chị đã kết hôn, chung sống với nhau và có 02 con chung, nhưng do vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên vào năm 2018 anh chị đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân. Sau đó đến ngày 14/12/2018 anh chị đăng ký kết hôn lại về chung sống với nhau, nhưng tình cảm giữa vợ chồng vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng trong sinh hoạt gia đình về quan điểm, nơi ở và kinh tế khó khăn. Từ tháng 10/2020 vợ chồng đã ly thân đến nay, không còn qua lại quan tâm tình cảm với nhau. Nay chị H một mực đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần, biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng không đến Tòa án làm Việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa, điều đó thể hiện anh Q không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q đã L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn với anh Đoàn Văn Q.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Đoàn Văn Q có 02 (hai) con chung là các cháu Đoàn Tuệ L, sinh ngày 18/02/2014 và Đoàn Khánh V, sinh ngày 25/12/2016; Hiện tại cháu Tuệ L bị khuyết tật tâm thần nặng.

Xét: Các con hiện đều đang ở với chị H; quá trình giải quyết vụ án chị H có nguyện vọng tha thiết xin được trực tiếp nuôi cả hai con và chứng minh có đủ các điều kiện để nuôi con, trong khi anh Q không đến Tòa án làm Việc, không trình bày quan điểm về nuôi con chung, không có chỗ ở cụ thể. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con đối với mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[4] Về phần tài sản: Chị H xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn anh Q không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn với anh Đoàn Văn Q.

2. *Về con chung*: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Đoàn Văn Q có 02 (hai) con chung là cháu Đoàn Tuệ L, sinh ngày 18/02/2014 và Đoàn Khánh V, sinh ngày 25/12/2016.

Giao các cháu Đoàn Tuệ L và Đoàn Khánh V cho chị Lê Thị Mỹ H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đoàn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Trường hợp con đã thành niên mất khả năng lao động anh Q có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có khả năng lao động hoặc khi chết.

Anh Đoàn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006251 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Lê Thị Mỹ H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đoàn Văn Q phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến